TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023 /DS-ST
Ngày: 26- 6 - 2023
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp X A, xã T, huyện AM, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp X, xã N A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2.2. Ông Võ Minh H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp n, xã H, huyện AM, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ P trình bày:

Vào ngày 29/6/2020, vì cần tiền làm ăn nên vợ chồng ông Võ Minh H (gọi tắt là H) và bà Phạm Thị Hồng T (gọi tắt là T) có hỏi vay của bà Nguyễn Thị Mỹ P (gọi tắt là P) 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2.500.000 đồng/tháng/50.000.000 đồng, khi vay tiền các bên có làm biên nhận nợ. Vợ chồng

ông H và bà T đã thực hiện đóng lãi đến tháng 3 âm lịch năm 2021 thì ngưng cho và đến nay không đóng lãi và trả tiền vốn.

Tại đơn khởi kiện bà P yêu cầu vợ chồng ông H và bà Ttrả tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận tạm tính đến tháng 7 âm lịch năm 2022 bằng 37.500.000 đồng.

Tại phiên tòa bà P yêu cầu ông H và bà T phải trả số tiền vay là 50.000.000 đồng và yêu cầu phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi trả xong hết nợ theo mức lãi suất pháp luật quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông Võ Minh H và bà Phạm Thị Hồng T có ý kiến trình bày như sau:

Ông H và bà T thừa nhận có hỏi vay của bà P 50.000.000 đồng vào ngày 29/6/2020 và thỏa thuận lãi suất là 2.500.000 đồng/tháng/số tiền vay 50.000.000 đồng. Sau khi vay tiền ông H và bà T đã đóng lãi cho bà P 25.000.000 đồng, thời điểm dịch Covid19 bùng phát công ty của vợ chồng ông H bị phá sản nên không có tiền đóng lãi và trả tiền vốn cho bà P cho đến nay. Đối với số tiền lãi đã trả cho bà P vợ chồng ông H và bà T thống nhất không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H và bà T thừa nhận có vay và còn nợ của bà P 50.000.000 đồng. Vợ chồng ông Hvà bà T đề nghị bà P xem xét miễn số tiền lãi và xin được trả số tiền nợ vay 50.000.000 đồng trong thời gian 02 năm.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (một) giấy biên nhận đề ngày 29/06/2020 (Bản chính), bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Bà P và vợ chồng ông H và bà T cùng thống nhất xác nhận vợ chồng ông H bà T có vay và còn còn nợ bà P 50.000.000 đồng, thời điểm vay tiền các bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và vợ chồng ông H và bà T đã trả được 25.000.000 đồng tiền lãi. Bà P, ông H và bà T cùng thống nhất không tính lại số tiền lãi mà các bên đã thanh toán cho nhau.

Nội dung không thống nhất: Bà P yêu cầu vợ chồng ông H và bà T phải trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 09/11/2022) cho đến ngày trả xong nợ với mức lãi suất pháp luật quy định

trong thời gian 01 năm, còn ông H và bà T đề nghị được miễn số tiền lãi và xin trả nợ gốc 50.000.000 đồng trong thời gian 02 năm kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự vay tài sản, trong hai bị đơn thì có một bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện đối với mốc thời gian tính lãi và mức lãi suất đề nghị áp dụng, nhận thấy việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay bà P yêu cầu vợ chồng ông H và bà T trả số nợ vay 50.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vợ chồng ông H và bà T đều thừa nhận vào ngày 29/6/2020 có vay và hiện còn nợ của bà P50.000.000 đồng đồng thời thừa nhận chứng cứ là biên nhận nợ do bà P cung cấp nên có cơ sở để xác định vợ chồng ông H và bà T có nợ tiền của bà P là sự thật. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận bà P đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H và bà T trả nợ nhưng do làm ăn thất bại nên vợ chồng ông H không trả được nợ cho đến nay. Việc ông H và bà T vi phạm nghĩa

vụ trả nợ của bên vay nên bà P khởi kiện yêu cầu ông H bà T trả nợ là có căn cứ vào các Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự cần buộc vợ chồng ông H và bà T phải trả cho bà P số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng.

Ngoài yêu cầu trả nợ số tiền cho vay là 50.000.000 đồng bà P còn yêu cầu vợ chồng ông Hvà bà T phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày thụ lý vụ án ngày 09/11/2022 đến ngày trả xong nợ theo mức lãi suất pháp luật quy định. Nhận thấy, trong quá trình giao kết hợp đồng vay các bên có thỏa thuận việc trả lãi và mức lãi suất theo thỏa thuận là 5%/tháng đến nay bà P yêu cầu các bị đơn phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định là phù hợp với quy định tại 280, 466 và 468 Bộ luật dân sự.

Thời điểm tính lãi phát sinh từ ngày thụ lý vụ án (ngày 09/11/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/6/2023) tổng cộng là (07 tháng + 17 ngày) tiền lãi được tính như sau:

50.000.000 x 20%/năm x (07 tháng + 17 ngày) = 6.299.086 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền ông H bà T phải trả cho bà P là 50.000.000 đồng (tiền vay) + 6.299.086 đồng (tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm) = 56.299.086 đồng.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H và bà T còn phải trả cho bà Phúc khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu của ông H và bà T đề nghị bà P miễn số tiền lãi: Nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên có thỏa thuận trả lãi tuy nhiên tại phiên tòa bà P không đồng ý miễn tiền lãi cho vợ chồng ông H và bà T do đó ông bà vẫn phải trả lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông H và bà T còn đề nghị được kéo dài thời hạn trả nợ trong 02 năm từ ngày xét xử sơ thẩm nhưng không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí ông H và bà T phải nộp là: 56.299.086 đồng x 5% = 2.814.954 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.187.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ P.

Buộc ông Võ Minh H và bà Phạm Thị Hồng T trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ P số tiền 56.299.086 đồng (Năm mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Võ Minh H và bà Phạm Thị Hồng T còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ P khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc ông Võ Minh H và bà Phạm Thị Hồng T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.814.954 đồng (Hai triệu, tám trăm mười bốn nghìn, chín trăm năm mươi tư đồng).

Bà Nguyễn Thị Mỹ P được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.187.500 đồng (Hai triệu, một tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0003701 ngày 09/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 26/6/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm